

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-3-2023  
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Hứa;
2. Bà Trần Thị Đồi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1269/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ A, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Kim Y, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An..

(Ông Đ có đơn đề nghị vắng mặt, bà Y vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông Đ và bà Y chung sống từ năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào ngày 13/12/2021. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường gây gổ, cãi nhau do không có tiếng nói chung, tình cảm rạn nứt, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà Y đã về nhà cha mẹ ruột sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Đ khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ly hôn với bà Bùi Kim Y.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà **Bùi Kim Y** vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho bà **Bùi Kim Y** theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà **Y** biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với ông **Đ** nhưng bà **Y** không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà **Bùi Kim Y** vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của ông **Đ** và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông **Đ** biện việc nên có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### *[1]. Về tố tụng:*

*[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông **Nguyễn Văn Đ** khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà **Bùi Kim Y**, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[1.2]. Về tố tụng:* Ông **Nguyễn Văn Đ** biện việc nên có đơn đề nghị xử vắng mặt; bà **Bùi Kim Y** vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo qui định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### *[2]. Về nội dung vụ án:*

*[2.1]. Về tình cảm:* Xét quan hệ hôn nhân giữa ông **Đ**, bà **Y** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào ngày 13/12/2021 nên hôn nhân giữa ông **Đ** với bà **Y** là hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của ông **Đ** đối với bà **Y**: ông **Đ** cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm nên hay gây cãi, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Ông **Đ** và bà **Y** đã sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Nay ông **Đ** thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành tổng đạt mời bà **Bùi Kim Y**, bà **Y** biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với ông **Đ** nhưng bà **Y** không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải cho thấy bà **Y** không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa ông **Đ** với bà **Y** đã mâu thuẫn trầm trọng nên ông **Đ** yêu cầu xin ly hôn với bà **Y** là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*[2.2]. Về con chung:* Ông **Đ** trình bày giữa ông **Đ** với bà **Y** không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung : Ông Đ xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Bùi Kim Y vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa ông Đ và bà Y có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

### Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Bùi Kim Y.

Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Bùi Kim Y.

2. Về con chung: Ông Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn Đ trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo biên lai số 0007634 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã N (đề biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Khắc Linh D**